

## BÀI 2: SÓNG VÀ CÁT Ở TRƯỜNG SA

(tiết 5 – 10, SHS, tr.101 – 105)

### I. MỤC TIÊU

1. Nói được với bạn về màu sắc của những sự vật trong thiên nhiên; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Miêu tả vẻ đẹp đặc biệt của sóng và cát ở các đảo Trường Sa; thể hiện tình cảm trân trọng của tác giả đối với những người làm nhiệm vụ canh giữ biển đảo; biết liên hệ bản thân: Yêu quý thiên nhiên, trân trọng những người làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.*
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *d/gi; iêu/ươu, oan/oang*.
4. Mở rộng được vốn từ về đất nước (từ ngữ chỉ sự vật và chỉ đặc điểm); đặt được câu tả cảnh đẹp của Việt Nam.
5. Biết nói và đáp lời an ủi, nói lời mời.
6. Nhận diện được kiểu bài nói, viết về tình cảm với người thân.
7. Chia sẻ được một bài thơ đã đọc về đất nước Việt Nam.
8. Thực hiện được trò chơi *Hoạ sĩ nhí*, giới thiệu được về bức vẽ của mình.

### II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Video clip, tranh ảnh về đặc sản vùng miền (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Cát xung quanh các đảo đến giữa biển khơi*.
- Thẻ từ cho HS thực hiện các BT 3 và 4.
- HS mang tới lớp bài thơ về đất nước Việt Nam đã tìm đọc.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### TIẾT 1, 2

##### A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, sử dụng tranh ảnh (nếu có) nói với bạn về màu sắc của những sự vật trong thiên nhiên (Dựa vào thực tế, GV có thể cho HS nghe, xem video clip giới thiệu về các đảo, những sinh vật dưới đáy biển, rừng,... ở Việt Nam).
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài *Sóng và cát ở Trường Sa*.

##### B. Khám phá và luyện tập

##### 1. Đọc

##### 1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, chậm rãi, tự hào, nhấn giọng các từ ngữ miêu tả vẻ đẹp của sóng và cát: *mềm mại, chuyển động liên tục, toí nhe, ánh*

*lên, trắng lấp lánh, ...*; chỉ tình cảm yêu quý và trân trọng của tác giả đối với chú bộ đội hải quân: *màu áo của các chú bộ đội, hoà quyện, vẻ đẹp riêng, ...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ ngữ khó (do ảnh hưởng phương ngữ/ do cấu tạo âm tiết): *bền bỉ, doi cát, xoay vần, hoà quyện, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ kèm nhân giọng và luyện đọc một số câu dài: *Những con sóng bền bỉ ngày đêm/ vẽ quanh chân đảo một viên hoa/ như một dải dăng ten mềm mại.//; Hình ảnh cát san hô trắng lấp lánh,/ biển xanh/ và màu áo của các chú bộ đội hải quân hoà quyện/ tạo nên vẻ đẹp riêng/ cho những hòn đảo ở Trường Sa.//;...*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

### 1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *xoay vần* (biến đổi theo lẽ tự nhiên), *cát san hô* (cát được tạo thành từ những vụn san hô),...

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ trả lời các câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài: *Miêu tả vẻ đẹp đặc biệt của sóng và cát ở các đảo Trường Sa; thể hiện tình cảm trân trọng của tác giả đối với những người làm nhiệm vụ canh giữ biển đảo.*

– HS liên hệ bản thân: *Yêu quý thiên nhiên, trân trọng những người làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.*

### 1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhân giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn đoạn từ *Cát xung quanh các đảo đến giữa biển khơi*.

– HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp đoạn từ *Cát xung quanh các đảo đến giữa biển khơi*.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

## 2. Viết

### 2.1. Nghe – viết

– HS đọc đoạn văn *Chim rừng Tây Nguyên*, trả lời câu hỏi về nội dung.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *chao lượn, rọp, rúu rít, rộn vang, ...*; hoặc do ngữ nghĩa.

– GV nhắc HS cách trình bày bài viết.

– HS nghe GV đọc từng cụm từ và viết vào VBT.

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

## 2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt d/gi; iêu/ươu, oan/oang

### 2.2.1. Phân biệt d/gi

- HS xác định yêu cầu của BT 2b, đọc và chọn từ ngữ viết sai, chữa lại cho đúng (Đáp án: dàn khoan – chữa lại: giàn khoan).
- HS giải nghĩa và đặt câu với một số từ ngữ viết đúng (nếu cần).
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi và trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

### 2.2.2. Phân biệt iêu/ươu, oan/oang

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS thảo luận, chọn tiếng phù hợp thay cho ☉ trong nhóm đôi (Đáp án: vằn iêu/ươu: năng kiêu, con khướu, cái bướu, biểu quà; vằn oan/oang: khoang tàu, mũi khoan, luy hoàng hoàn lại).
- HS thực hiện BT vào VBT.
- Một vài HS trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

## TIẾT 3, 4

### 3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS xếp các từ ngữ thành 2 nhóm trong nhóm nhỏ (Đáp án: từ ngữ chỉ sự vật: biển cả, bầu trời, sông suối, rừng núi – từ ngữ chỉ đặc điểm: bao la, bạt ngàn, trập trùng, mênh mông).
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS giải nghĩa và đặt câu với một số từ ngữ (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

### 4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a.
- HS thảo luận nhóm đôi, chọn từ ngữ ở thẻ màu xanh phù hợp với từ ngữ ở thẻ màu hồng (GV có thể khơi gợi HS nhớ lại các thông tin đã được học ở bài đọc, bài chính tả được sử dụng lại ở BT).
- HS đọc các câu ghép được trước lớp.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 4b.

- HS đặt 2 – 3 câu trong nhóm nhỏ.
- HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

## 5. Nói và nghe

### 5.1. Nói và đáp lời an ủi

- HS xác định yêu cầu của BT 5a.
- HS đóng vai để nói và đáp lời an ủi cho từng tình huống trong nhóm đôi theo yêu cầu BT.
- Một số nhóm HS nói trước lớp.
- HS trả lời một số câu hỏi:
  - + *Ta thường nói lời an ủi khi nào?*
  - + *Khi nói lời an ủi, em cần nói với thái độ thế nào? Vì sao?*
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

### 5.2. Nói lời mời

- HS xác định yêu cầu của BT 5b, quan sát tranh gợi ý.
- HS đóng vai để nói lời mời trong nhóm đôi.
- Một số nhóm HS nói lời mời bạn thưởng thức một món đặc sản trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

## TIẾT 5, 6

## 6. Nói, viết về tình cảm với người thân

### 6.1. Nói theo gợi ý

- HS xác định yêu cầu của BT 6a.
- HS thảo luận trong nhóm đôi sắp xếp lại thứ tự 5 câu đã cho (Đáp án: 4 – 5 – 1 – 3 – 2) thành đoạn văn.
- HS viết thứ tự các câu vào VBT, đọc lại đoạn văn đã sắp xếp lại thứ tự.
- HS thảo luận trong nhóm đôi trả lời các câu hỏi gợi ý ở BT 6b.
- Một vài HS nói trước lớp về kết quả BT 6b.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

### 6.2. Viết 4 – 5 câu về tình cảm với anh (chị hoặc em) của em

- HS xác định yêu cầu của BT 6c, tìm hiểu các gợi ý.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- Một số HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

## **C. Vận dụng**

### **1. Đọc mở rộng**

#### ***1.1. Chia sẻ một bài thơ đã đọc về đất nước Việt Nam***

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ một bài thơ về đất nước Việt Nam: tên bài thơ (tên tác giả, tập thơ, GV có thể khuyến khích HS nêu tên sách/ báo có bài thơ đó), điều em thích (câu thơ, hình ảnh), cảm xúc.

– Một vài HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

#### ***1.2. Viết vào Phiếu đọc sách (trong VBT)***

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài thơ (tên tác giả, tập thơ), điều em thích (câu thơ, hình ảnh), cảm xúc.

– Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

### **2. Chơi trò chơi *Hoạ sĩ nhí***

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS vẽ một hòn đảo theo trí tưởng tượng của mình.

– HS giới thiệu bức vẽ trong nhóm, trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.